

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 19/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Minh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Duy Cừ

- Thư ký Tòa án phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại hội trường xét xử Hình sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 13/3/1982 tại thành phố H; tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Xuân B và bà Trần Thị N; có vợ Đậu Thị T và 01 con, sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân:

- Ngày 06/7/1999, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985 xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 17/HSST; thi hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, đến ngày 22/11/1999 chấp hành án xong hình phạt tù. (khi bị kết án, Đ dưới 18 tuổi);

- Ngày 13/11/2002, bị Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh H áp dụng khoản 1 Điều 138, khoản 1 Điều 311, khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 06 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giữ”, 06 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; tổng hợp hình phạt chung là 18 tháng tù theo Bản án số 33/HSST; thi hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Quảng Bình, đến ngày 03/02/2004 chấp hành án xong hình phạt tù. (đã chấp hành xong Bản án);

- Ngày 30/12/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 54/2010/HSST; thi hành án tại Trại giam Đ, tỉnh Quảng Bình, đến ngày 06/10/2012 chấp hành án xong hình phạt tù. (Đã chấp hành xong Bản án).

Bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 25/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam

tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đậu Văn C, sinh năm 1949; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Xã H, huyện H, Tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin vắng mặt).

- Người chứng kiến:

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường T, thành Phố H, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Hữu Đô, sinh năm 1976; trú tại: Tổ 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1976; trú tại: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 25/12/2019, Nguyễn Văn Đ đang ở nhà tại phường tổ dân phố 4, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì có nhu cầu sử dụng ma túy nên sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen, BKS 38Y1-0220 của ông Đậu Văn C (sinh năm 1949; trú tại xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh) là bố vợ của Đ cho mượn đi lại hàng ngày để đi mua ma túy về sử dụng. Đ điều khiển xe đến khu vực chợ T, thuộc thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh gặp 01 người đàn ông làm nghề lái xe ôm không quen biết hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy dạng đá. Người này đồng ý và nhận 1.000.000 đồng của Đ rồi đi đâu không rõ. Một lúc sau, người này quay lại và đưa cho Đ 01 túi nilon trong suốt đựng chất tinh thể màu trắng. Đ biết đây là ma túy nên cầm túi nilon nói trên bỏ vào túi quần phía trước, bên trái đang mặc trên người rồi điều khiển xe đi về nhà. Đến 14 giờ 20 phút cùng ngày, khi Đ đi đến khu vực gần cầu S, thuộc tổ dân phố Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì bị lực lượng Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần phía trước, bên trái Đ đang mặc 01 túi nilon trong suốt, kích thước khoảng 03cm x 03cm bên trong đựng chất tinh thể màu trắng. Nguyễn Văn Đ khai nhận chất tinh thể màu trắng đó là ma túy dạng đá của Đ vừa mua về để sử dụng. Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật.

Tại bản Kết luận giám định số 15/GĐMT-PC09 ngày 27/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong túi nilon trong suốt, kích thước khoảng 03cm x 03cm gửi giám định có khối lượng 0,8840 gam là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II.C, STT323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Vật chứng vụ án: 01 gói nilon trong suốt kích thước 03cm x 03cm bên trong chứa 0,8840 gam Methamphetamine thu giữ tại Nguyễn Văn Đ, trừ mẫu giám định còn 0,8592 gam Methamphetamine (đã được niêm phong) được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H để xử lý theo quy định. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen, biển kiểm soát 38Y1-0220, đã qua sử

dụng thu giữ tại Nguyễn Văn Đ, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đậu Văn C.

Về dân sự: Ông Đậu Văn C sau khi nhận lại chiếc xe mô tô không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKSTPHT ngày 31/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như nội dung cáo trạng truy tố; trong phần luận tội và tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được sai phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về chứng cứ xác định tội danh:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H lập hồi 14 giờ 20 phút ngày 25/12/2019 tại khu vực gần cầu S thuộc địa phận khối phố Đ, phường T, thành phố H; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác; phù hợp với các vật chứng vụ án được thu giữ; Kết luận giám định số 15/GĐMT-PC09 ngày 27/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong túi nilon trong suốt, kích thước khoảng 03cm x 03cm gửi giám định có khối lượng 0,8840 gam là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II.C, STT323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, xác định được: Vào hồi 14 giờ 20 phút ngày 25/12/2019, tại khu vực gần cầu S, thuộc tổ dân phố Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Văn Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,8840 gam Methamphetamine để sử dụng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

Công an thành phố H bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Bị cáo Nguyễn Văn Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và tuổi chịu trách nhiệm sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; có bố và mẹ là người có công với cách mạng (bố là thương binh 4/4, mẹ là người được hưởng chính sách như thương binh, bố và mẹ được tặng nhiều Huân chương) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; hoàn cảnh gia đình bị cáo bị cáo vợ không có việc làm ổn định, đang nuôi con nhỏ nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này có ông Đậu Văn C là người cho Đ mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen, BKS 38Y1-0220 nhưng ông C không biết Đ sử dụng xe để đi mua ma túy về sử dụng nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông C là phù hợp.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Đ, không xác định được tên tuổi, lý lịch nên Cơ quan điều tra không điều tra làm rõ được.

[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là tương đối phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen, biển kiểm soát 38Y1-0220 cho ông Đậu Văn C là phù hợp.

- Cần tịch thu tiêu hủy 0,8592 gam Methamphetamine (sau khi trừ mẫu giám định) là chất cấm tàng trữ, lưu hành; 01 túi nilon trong suốt kích thước 03cm x 03cm không có giá trị sử dụng.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Nguyễn Văn Đ** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt **Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 0,8592 gam Methamphetamine (sau khi trừ mẫu giám định); 01 túi nilon trong suốt kích thước 03cm x 03cm.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 14 giờ 10 phút ngày 31/3/2020 giữa cán bộ Cơ quan điều tra Công an thành phố H và cán bộ Chi cục thi hành án dân sự thành phố H).

*** Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND Tp Hà Tĩnh;
- THADS Tp Hà Tĩnh;
- Công an Tp Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam CAHT;
- THAPT;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Minh Thư